TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-02-2018
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi và ông Nguyễn Ngọc Nghiêm.
- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
- *Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018, theo quyết định hoãn phiên toà số: 05/2018/QĐ-ST ngày 09-02-2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **An Thị N**, sinh năm 1991;
ĐKHKTT: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.
- *Bị đơn*: Anh **An Văn H**, sinh năm 1985.
ĐKHKTT: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.
Chị N có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị An Thị N trình bày:

Chị và anh An Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 01-12-2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận được khoảng 3 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, mỗi người một quan điểm trái ngược nhau. Bên cạnh đó, anh H là người nóng tính, gia trưởng, không tu chí làm ăn, không cùng chị chăm lo đời sống gia đình, nhiều lần chửi bới, xúc phạm, đánh chị. Do cuộc sống quá áp lực nên chị đã về nhà đẻ sinh sống từ tháng 8-2017 đến nay, vợ chồng ly thân, không ai

quan tâm đến ai. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh An Văn H trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người một quan điểm trái ngược nhau. Không hiểu vì lý do gì mà chị N ngày càng thay đổi tính nết trong cách cư xử đối với gia đình nhà chồng, không làm tròn bổn phận của người con dâu mà còn tỏ thái độ mặt nặng mày nhẹ với anh và gia đình anh nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Đặc biệt từ khi anh bị bệnh tai biến khoảng tháng 4-2016, chị N không hề quan tâm, chắm sóc mà ruồng rẫy bỏ mặc anh. Từ tháng 6-2017, chị N tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh H xác định vợ chồng có 01 con chung là An Chí C, sinh ngày 27-4-2014, hiện nay đang ở với anh H. Chị N có quan điểm xin được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Trường hợp anh H cũng xin được nuôi dưỡng con chung, chị cũng nhất trí. Quan điểm của anh H xin được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh không nhất trí giao con cho chị N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, chị N vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về hôn nhân: Xử cho chị An Thị N được ly hôn anh An Văn H.

- Về con chung: Giao anh An Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung An Chí C, sinh ngày 27-4-2014. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H về việc không yêu

cầu chị N cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị An Thị N và anh An Văn H không yêu cầu nên pháp luật không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: chị An Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh An Văn H được Toà án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị An Thị N và anh An Văn H kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 01-12-2011 là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người có một quan điểm trái ngược nhau. Theo chị N trình bày: Anh H là người nóng tính, gia trưởng, không tu chí làm ăn, không cùng với chị để chăm lo đời sống gia đình, đã nhiều lần chửi bới, xúc phạm và đánh chị. Còn theo anh H trình bày: Thời gian gần đây, chị N đã thay đổi tính nết, không chịu làm gì, không quan tâm, chăm lo cho chồng và gia đình chồng, đặc biệt từ khi anh bị bệnh thì có thái độ ruồng rẫy, bỏ mặc anh. Từ tháng 8-2017 đến nay, chị N đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Toà án đã hoà giải nhiều lần nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn, anh H cũng nhất trí, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là An Chí C, sinh ngày 27-4-2014, hiện nay đang ở với anh H. Chị N và anh H đều xin được nuôi con và không yêu cầu bên không phải nuôi cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), tuy nhiên trường hợp anh H xin nuôi con chị cũng nhất trí, anh H không nhất trí giao con cho chị N nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện tại cháu C đã trên 36 tháng tuổi, đang ở với anh H, có cuộc sống, học tập ổn định và phát triển bình thường, nếu phải thay đổi môi trường sống, sẽ ảnh hưởng đến học tập và sự phát triển của cháu. Kết quả làm việc với bà S (mẹ anh H) xác định hiện anh H đang sống cùng bà, nếu Toà án giao con cho anh H nuôi dưỡng, bà cam kết sẽ hỗ trợ anh H trong việc nuôi con với những điều kiện tốt nhất. Vì vậy, để

đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của cháu C, Toà án cần giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp và chấp nhận sự tự nguyện của anh H về việc không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị N và anh H đều không yêu cầu Toà án phải quyết nên Toà án không xét.

[5] Về án phí: Chị An Thị N khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị An Thị N được ly hôn anh An Văn H.

2. Về con chung: Giao cho anh An Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con chung An Chí C, sinh ngày 27-4-2014. Chấp nhận sự tự nguyện của anh An Văn H không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị N, anh H không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị An Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện theo biên lai số AB/2014/0004031 ngày 20-11-2017.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thanh Miện;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Thanh Miện;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân